

Bản án số: 873/2023/HC-PT
Ngày: 30/11/2023
V/V: Khiếu nại quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 542/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 7 năm 2023, do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13168/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự

Người khởi kiện: Trưởng thôn Đông Thịnh, [xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) - ông [Lê Mạnh H](#), sinh năm 1959; là Trưởng thôn Đông Thịnh theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của [UBND xã T](#), có mặt.

Người bị kiện: [Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang; trụ sở: Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.](#)

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Giang Tuấn A](#) - Chủ tịch [UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Hoàng Hải T](#) - Phó chủ tịch [UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. [Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.](#)

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Phạm Quý C](#) - Chủ tịch UBND xã; vắng mặt.

2. Ông [Bùi Đức H1](#), sinh năm 1971 và bà [Nghiêm Thị T1](#), sinh năm 1973; cùng địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) (ông [H1](#) vắng mặt, bà [T1](#) có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông [H1](#): Bà [Nghiêm Thi T1](#), sinh năm 1973; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông [H2](#), bà [T1](#): Luật sư [Trần Văn B](#) và Luật sư [Vũ Văn N](#) – [Công ty L3](#) thuộc [Đoàn Luật sư thành phố H](#), có mặt.

3. Anh [Bùi Đức K](#), sinh năm 1993; có mặt.
4. Chị [Bùi Thị Lan A1](#), sinh năm 1995; vắng mặt.
5. Ông [Đỗ Xuân H3](#), sinh năm 1973; có mặt.
6. Ông [Lê Minh Đ](#), sinh năm 1958; có mặt.
7. Bà [Phạm Thị D](#), sinh năm 1966; vắng mặt.
8. Bà [Vũ Thị N1](#), sinh năm 1969; có mặt.
9. Ông [Phạm Đức C1](#), sinh năm 1970; có mặt.
10. Ông [Mông Quang V](#), sinh năm 1968; vắng mặt.
11. Ông [Đỗ Đức T2](#), sinh năm 1934; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông [Lê Mạnh H](#) trưởng thôn Đông Thịnh trình bày:

Năm 1966 gia đình ông [Đỗ Đức T2](#) lên khai hoang, xây dựng kinh tế tại khu vực [thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) đã khai phá đất hoang hoá để sử dụng. Đến năm 1980 gia đình ông [T2](#) và nhân dân trong thôn đã thống nhất lấy diện tích đất là 6.205,0m² do ông [T2](#) khai phá làm nghĩa địa chung cho người dân đã qua đời của [thôn Đ, xã T](#). Trong đó có gia đình ông và các gia đình trong thôn an táng thân nhân đã mất tại diện tích đất nói trên.

Vị trí và diện tích đất chuyên dùng làm nghĩa địa của nhân dân [thôn Đ](#) đã được đưa vào Điều 4 khoản 2 Quy ước chung của thôn năm 2001. Bản Quy ước đã được [UBND huyện S](#) phê duyệt tại Quyết định số 2662/QĐ-UB ngày 30/10/2001. Đồng thời cũng tại Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) giai đoạn 2011-2015 định hướng 2020 đã được [UBND huyện S](#), tỉnh Tuyên Quang phê duyệt ngày 14/12/2012 tại Quyết định số 916/QĐ-UBND, theo đó đã quy hoạch diện tích đất sử dụng cho mục đích chuyên dùng (Đất nghĩa địa) đối với diện tích đất nghĩa địa theo như Quy ước của [thôn Đ](#) xây dựng và thực hiện từ năm 2001 đến nay.

Gia đình ông [Bùi Đức H1](#) trong quá trình sử dụng đất liền kề với khu vực nghĩa địa đã tự ý trồng cây trên diện tích đã được quy hoạch là đất dùng chung, nhân dân trong thôn đã có ý kiến báo cáo lãnh đạo thôn và tổ chức cuộc họp để giải quyết về việc trồng cây của ông [H1](#) trên diện tích

đất nêu trên, trong cuộc họp gia đình ông [Bùi Đức H1](#) đã nghe ý kiến của nhân dân, kết luận của trưởng thôn về việc không được trồng, canh tác trên đất dùng chung của thôn và ông [H1](#) đã không có ý kiến gì khác và nhất trí sẽ không tiếp tục trồng cây trên đất nghĩa địa của thôn.

Cuối năm 2021 bản thân gia đình ông [H](#) và một số gia đình có mộ người thân đang an táng tại khu vực nghĩa địa đến để dọn dẹp, chăm sóc phần mộ người thân thì gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#) đã ra ngăn chặn và không cho các ông được dọn dẹp, vệ sinh các ngôi mộ của gia đình với lý do các ngôi mộ nằm trên diện tích đất của ông [Bùi Đức H1](#) và ông [H1](#) đã đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 275778 do [UBND huyện S](#) cấp ngày 27/01/2014, trong đó công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.743,0m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: 50 năm; nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Đến nay gia đình ông [H1](#) đã xây dựng tường, rào bảo vệ toàn bộ diện tích đất (trong đó có các ngôi mộ của gia đình ông và một số gia đình trong thôn) và đổ bê tông, làm hàng rào ngăn chặn đường vào khu nghĩa địa.

Việc tranh chấp quyền lợi giữa các hộ dân trong [thôn Đ](#) và gia đình ông [Bùi Đức H1](#), bà [Nguyễn Thị T1](#) đã được hai bên làm đơn đề nghị chính quyền các cấp (Thôn; [UBND xã T](#) và [UBND huyện S](#)) giải quyết. Qua các lần giải quyết hoà giải của chính quyền [thôn Đ; xã T](#) và [UBND huyện S](#) thì đều không đạt được thoả thuận trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên.

Với tư cách Trưởng thôn Đông Thịnh ông nhận thấy mọi nguyên nhân dẫn đến việc tranh chấp giữa các hộ dân trong [thôn Đ](#) với gia đình ông [Bùi Đức H1](#), bà [Nguyễn Thị T1](#) bắt đầu từ việc công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 275778 do [UBND huyện S](#) cấp ngày 27/01/2014. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của [UBND huyện S](#) có những nội dung chưa đúng cụ thể:

- Khi gia đình ông [Bùi Đức H1](#) làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã khai nhận nguồn gốc sử dụng đất không đúng với thực tế hiện trạng sử dụng. Vì diện tích đất này đã được toàn thể nhân dân trong [thôn Đ](#) thống nhất sử dụng làm nghĩa địa chung của người đã khuất, đã được cấp có thẩm quyền là [UBND huyện S](#) phê duyệt, trong thời gian đó ông [H1](#) đã tự ý trồng cây nguyên liệu trên diện tích đất nêu trên. Vì vậy, nguồn gốc sử dụng đất là không đúng.

- Việc công khai danh sách nguồn gốc và diện tích đất trước khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được công khai đối với nhân dân trong [thôn Đ, xã T](#).

- Sơ đồ thửa đất khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có xác nhận của các hộ có đất giáp ranh, liền kề (Gia đình ông [Lê Minh Đ](#) và bà [Phạm Thị D](#)).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) đã vi phạm vào quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) giai đoạn 2011-2015 định hướng 2020 và Quy ước chung của thôn năm 2001.

Đại diện chính quyền [thôn Đ](#) đã làm đơn đề nghị [UBND xã T](#) giải quyết, thôn và xã đã nhiều lần mời bà [T1](#), ông [H1](#) đến giải quyết, tuy nhiên bà [T1](#) và ông [H1](#) không hợp tác và không đến làm việc theo giấy mời của thôn và xã.

Do vậy với tư cách là Trưởng thôn [Đ](#), ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778, sổ vào sổ cấp giấy CH00775 do [UBND huyện S](#) cấp ngày 27/01/2014 cho hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị Tuyết](#).

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

* Về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên:

- Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 1994, là thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77, diện tích 2.845 m², loại đất màu đồi và chưa có hộ gia đình nào kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

- Theo đo đạc địa chính năm 2012, là thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109 diện tích 3.743,8 m², loại đất trồng cây lâu năm, do gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

Ngày 24/5/2013, ông [Bùi Đức H1](#) (chồng bà [T1](#)) đã kê khai đăng ký sử dụng đất đối với thửa đất ghi trên theo dự án đo đạc địa chính năm 2012.

Ngày 17/11/2013, [UBND xã T](#) xác nhận nội dung gia đình ông [H1](#) kê khai đúng hiện trạng sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng ổn định từ năm 1992, đất hiện không có tranh chấp.

Ngày 16/01/2014, [Văn phòng Đ3](#) thẩm định xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Khoản 4, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 27/01/2014, UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 275778 cho gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị Tuyết](#).

* Về hiện trạng thửa đất:

Kết quả kiểm tra, hiện nay thửa đất ghi tên gia đình bà [Nghiêm Thị T1](#) sử dụng để trồng tre, nhãn, keo và một số cây trồng khác.

Trên đất hiện nay có tất cả khoảng 10 ngôi mộ của người nhà các hộ gia đình [thôn Đ, xã T](#).

* Về hợp dân lấy ý kiến khu dân cư về diễn biến, nguồn gốc sử dụng đất đối với khu đất nêu trên:

- Về ý kiến tại buổi họp nhân dân [thôn Đ, xã T](#) ngày 17/02/2021, ông [Lê Mạnh H](#), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn cho biết:

Khu đất nghĩa địa của [thôn Đ](#) hiện nay đang có tranh chấp với gia đình bà [Nghiem Thi T1](#) có nguồn gốc là đất của gia đình cụ [Đỗ Đức T2](#) khai phá sử dụng từ năm 1966, đến năm 1986 bố cụ [T2](#) chết được nhân dân đem ra khu đất đó chôn cất và từ đó đến nay cụ [T2](#) đã để cho nhân dân chôn cất người chết trên khu đất đó.

Cũng theo ông [Lê Mạnh H](#) cho biết khu đất đó từ năm 1986 đã trở thành khu đất nghĩa địa của [thôn Đ](#) và từ đó đến nay đã chôn cất được 20 ngôi mộ, hiện nay đã cải táng chuyển đi nơi khác được 10 ngôi, hiện nay còn lại 10 ngôi mộ (cả mộ xây và mộ đất).

Việc chôn cất người chết được thuận tiện không có việc gì xảy ra cho đến cuối năm 2021, khi các hộ gia đình có mộ đến thăm nom vào dịp cuối năm thì gia đình bà [Nghiem Thi T1](#) đã rào đường lại không cho các hộ có đường vào với lý do: Gia đình bà [T1](#) đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất đó.

Việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà [T1](#) và một số hộ dân trong thôn đã được Thôn và [U](#) nhưng không thành; bà [T1](#) không nhất trí trả lại đất cho thôn làm đất nghĩa địa mà có đơn đề nghị UBND huyện xem xét giải quyết việc gia đình bà có thửa đất số 27, tờ bản đồ 109, diện tích 3743,8 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00775, cấp ngày 27/01/2014, bà sử dụng trồng các loại cây lâu năm.

Ngày 08/12/2021, ông [Phan Văn C2](#) người cùng thôn đến chặt phá cây trồng của gia đình bà; UBND xã và [Công an xã T](#) đã giải quyết nhưng chưa thỏa đáng, nay bà đề nghị xem xét lại toàn bộ sự việc để giải quyết cho gia đình bà.

- Về ý kiến của nhân dân và các thành viên dự buổi làm việc ngày 17/02/2022.

+ Ý kiến của ông [Bùi Đức C3](#), đại diện cho người cao tuổi cho biết: Năm 1966 ông cùng với các gia đình lên khai hoang tại khu đất này trong đó có nhà cụ [Đỗ Đức T2](#); mảnh đất hiện nay thôn đang sử dụng làm nghĩa địa thôn là của cụ [T2](#) sử dụng, sau đó cụ không sử dụng mà để lại cho thôn sử dụng làm đất nghĩa địa chôn người chết. Việc chôn cất người chết được duy trì từ năm 1986 đến nay, nhà chị [T1](#) không có ý kiến thắc mắc gì, nay ông đề nghị xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận cho gia đình chị [T1](#).

+ Ý kiến của ông [Lê Minh Đ](#), Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn và các ý kiến khác của các thành viên dự họp đều nhất trí với các ý kiến như đã nêu trên và không có ý kiến nào khác.

+ Ý kiến của bà [Nghiem Thi T1](#) cho biết: Gia đình bà sử dụng đất tại khu đất nói trên để làm nhà ở và trồng cây cối hoa màu từ năm 1992 do nhận tặng cho của người chú ruột bên chồng là ông [Bùi Đức N2](#) và gia đình bà sử dụng ổn định từ đó đến nay. Quá trình sử dụng đất từ năm 1992

đến nay có 05 hộ gia đình có người chết chôn tại khu đất trên; gia đình bà đã có ý kiến không cho chôn nhưng các hộ gia đình vẫn cố tình chôn cất ở đó.

Thời điểm tết vừa qua có ông [Phạm Đức C1](#) đến sửa lại mộ đã chặt phá cây cối của gia đình bà nên bà đã rào lại không cho các hộ gia đình vào khu đất trên.

+ Ý kiến của ông [Lương Văn T3](#), Phó Chủ tịch [UBND xã T](#): Kết quả kiểm tra thực địa và hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã xác định: Gia đình bà [T1](#) được ông [Bùi Đức N2](#) cho tặng thửa đất phía ngoài giáp đường ĐT 186 để làm nhà ở từ năm 1992; còn thửa đất phía trong là đất của cụ [T2](#) khai phá sử dụng từ năm 1966; đến năm 1986 cho nhân dân [thôn Đ](#) sử dụng làm nghĩa trang của thôn là đúng với ý kiến đã phát biểu ở trên; ông đề nghị xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận cho gia đình anh chị [H1](#), [T1](#).

+ Ý kiến của bà [Phùng Thị L](#), Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Nhất trí với các ý kiến đã phát biểu đã ghi ở trên và không có ý kiến gì khác.

* Về kết quả kiểm tra, xác minh và giải quyết của [Ủy ban nhân dân huyện S](#):

Căn cứ hồ sơ địa chính lưu tại [UBND xã T](#); kết quả kiểm tra, xác minh ngoài thực địa; ý kiến của nhân dân [thôn Đ](#) tại buổi họp ngày 17/02/2022, xác định:

Thửa đất hiện nay đang có tranh chấp có nguồn gốc là đất của gia đình cụ [Đỗ Đức T2](#) khai phá sử dụng từ năm 1966, đến năm 1986 bố cụ [T2](#) chết được nhân dân đem ra khu đất đó chôn cất và từ đó đến nay cụ [T2](#) đã để cho nhân dân chôn cất người chết trên khu đất đó; năm 1994 đo đạc địa chính thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77 diện tích 2.845 m², loại đất màu đồi chưa có hộ gia đình nào kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Năm 1992, gia đình bà [Nghiêm Thị T1](#) ra ở riêng được ông [Bùi Đức N2](#) là chú ruột cho tặng mảnh đất phía bên ngoài để làm nhà ở (thửa đất này hiện nay gia đình bà [T1](#) đang làm nhà ở), trong quá trình sử dụng đất do hai thửa đất giáp ranh nhau nên gia đình bà [T1](#) đã tận dụng trồng cây cối hoa màu trên thửa đất mà thôn sử dụng một phần làm nghĩa địa.

Đến năm 2012, đo đạc địa chính thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109 diện tích 3.743,8 m², loại đất trồng cây lâu năm gia đình bà [Nghiêm Thị T1](#) đã kê khai đăng ký được [UBND xã T](#) xác nhận, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thẩm định và đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 275778 ngày 27/01/2014.

Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện có Văn bản số 428/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn công dân, trong đó có nội dung: "Giao [UBND xã T](#) tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai 2013, trường hợp hoà giải không thành thì hướng dẫn nhân dân [thôn Đ](#) gửi đơn đến Tòa án nhân dân để được giải quyết theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013".

Ngày 12/4/2022, Ủy ban nhân dân xã T có Báo cáo số 45/BC-UBND về việc tổ chức hoà giải nhưng không thành gửi UBND huyện.

Ngày 11/7/2022, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức đối thoại với nhân dân thôn Đ và đã hướng dẫn nhân dân cử người đại diện và gửi đơn đến Tòa án nhân dân (kèm theo hồ sơ hoà giải không thành) để được giải quyết theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 và giao UBND xã T tiếp tục thành lập tổ hoà giải để tuyên truyền vận động và tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai theo quy định.

Ngày 19/7/2022, Ủy ban nhân dân xã T có Thông báo số 14/TB-UBND về việc kết luận buổi tuyên truyền, vận động giải quyết tranh chấp đất đai giữa nhân dân thôn Đ, xã T với hộ bà Nghiêm Thị T1 (ông Bùi Đức H1) với kết quả hoà giải không thành và UBND xã T đã hướng dẫn các đương sự gửi đơn (kèm theo các hồ sơ liên quan) đến Tòa án nhân dân để được xem xét giải quyết.

* Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện S: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Người đại diện theo pháp luật của UBND xã T trình bày:**

Cuối năm 2021, Ủy ban nhân dân xã T nhận được đơn đề nghị của nhân dân thôn Đ4 đề nghị UBND xã xem xét giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nghĩa địa của thôn cho hộ ông Bùi Đức H1, bà Nghiêm Thị T1; xem xét trách nhiệm của cán bộ trong việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông H1; đề nghị UBND huyện xem xét thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ ông Bùi Đức H1, bà Nghiêm Thị Tuyền.

Căn cứ theo quy định về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, Ủy ban nhân dân xã đã xem xét giải quyết, kiểm tra xác minh nguyên nhân xảy ra tranh chấp, tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định.

* **Đại diện các hộ gia đình thôn Đ:**

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa nhân dân thôn Đ với gia đình bà Nghiêm Thị T1 được rõ ràng, minh bạch để trả lại đất cho nhân dân thôn Đ sử dụng; xem xét lại toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Bùi Đức H1 bà Nghiêm Thị T1 đúng hay không đúng.

- Gia đình ông Bùi Đức H1 bà Nghiêm Thị T1 trả lại đất cho nhân dân thôn Đ để sử dụng chung; tháo dỡ rào để nhân dân có đường vào chăm sóc mộ phần.

* **Gia đình ông Bùi Đức H1, bà Nghiêm Thị T1:**

- Đề nghị các hộ gia đình di dời các ngôi mộ ra khỏi đất của gia đình bà để trả lại đất trồng cây lâu năm cho gia đình bà sử dụng, đất gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đền bù tài sản trên đất của gia đình bà đã bị phá hoại. Gia đình bà không nhất trí tháo dỡ rào theo ý kiến của nhân dân [thôn Đ](#).

Qua ý kiến trình bày của các bên tranh chấp, ý kiến của hội đồng hòa giải tham gia góp ý, phân tích nhưng các bên tranh chấp không thỏa thuận, thống nhất được. Kết quả hòa giải không thành. Sau khi [Ủy ban nhân dân xã T](#) kết quả không thành và hướng dẫn các đương sự có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương để được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Nhân dân [thôn Đ](#) gửi đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của [Ủy ban nhân dân huyện S](#), tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) trình bày:

Sau khi kết hôn với ông [H1](#), do gia đình bố chồng bà [T1](#) đông anh chị em, ông [Bùi Đức L1](#) (là ông nội của chồng bà [T1](#)) ở cùng với chú [Bùi Đức N2](#) (là em trai của bố chồng bà) có cho vợ chồng bà một mảnh đất để làm nhà ở. Ngày 08/9/1992 có viết giấy tặng cho, nói rõ phía Đông là đường quốc lộ, phía Tây là màu đồi. Mảnh đất này là của ông [Bùi Đức L1](#), chú [Bùi Đức N2](#) khai phá rồi làm và cho vợ chồng bà. Ngày 12/9/1992, đội trưởng đội sản xuất đã xác nhận. Trong quá trình sử dụng đất vợ chồng bà có khai phá thêm, cũng có một ít đổi cho bà [Phạm Thị D](#) khoảng 20 m². Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà không có tranh chấp với ai. Từ năm 1992 đến 2014 vợ chồng bà vẫn sử dụng ổn định. Ngày 27/01/2014 vợ chồng bà đã được [UBND huyện S](#) cấp giấy chứng nhận sổ vào sổ CH00775. Sau năm 2014 vợ chồng bà vẫn sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với ai và không ai tranh chấp vợ chồng bà.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bà làm đúng quy trình thủ tục của pháp luật. Trưởng thôn thông báo cho mọi người đi kê khai, vợ chồng bà đã đi kê khai như mọi người. Mọi người được cấp sổ, vợ chồng bà cũng được cấp sổ.

Năm 1995 vợ chồng bà có trồng cây lâu năm gồm: Nhãn lồng hạt 30 cây, 30 bụi tre, 2000 cây keo hạt và cây lát được trồng trên đất màu đồi do gia đình vợ chồng bà khai phá (ông [Bùi Đức L1](#), chú [Bùi Đức N2](#) khai phá, vợ chồng bà khai phá thêm, và có đổi cho bà [Phạm Thị D](#) khoảng 20m²). Vườn cây vợ chồng bà trồng từ đó đến giờ chưa khai thác. Ngày

08/12/2021 mới xảy ra tranh chấp, phát sinh từ việc ông [Phạm Đức C1](#) và ông [Phạm Văn C4](#) dùng dao chặt keo, đốt tre gồm 03 cây keo = 600.000 đồng; 14 cây tre = 1.400.000 đồng. Ngày 12/01/2022 ông [Lê Mạnh H](#) đã huy động dân quân đứng chỉ đạo cho chặt phá bờ rào khoảng 2m (ông [Vũ Văn T4](#), [Vàng Văn L2](#), [Vũ Văn T5](#)). Ngày 25/01/2022, ông [Lê Mạnh H](#) Trưởng thôn lại tiếp tục huy động dân quân cùng một số người dân chặt phá khoảng 9m bờ rào, đập phá cột bê tông, dây thép gai, tre, 05 cột bê tông, cắt vụn khoảng 26m dây thép (ông [Lê Minh Đ](#), [Lê Văn T6](#), [Phạm Thứ T7](#), [Phạm Đức H4](#), [Phạm Văn Q](#), [Đỗ Đình D1](#), [Đường Ngọc Q1](#), [Đỗ Xuân H3](#), [Đỗ Xuân S](#)). Những người trên đã dùng dao, xà beng, kìm cộng lực để phá. Ngày 28/01/2022 có mặt ông [Phạm Đức D2](#), công an thôn đứng đó. Còn ông [Đường Ngọc Q1](#), [Phùng Văn M](#), [Lê Văn T6](#), [Vũ Văn T8](#) phá bờ rào khoảng 273m. Ông [Phùng Văn M](#) dùng dao phá và kìm cắt dây thép gai, [Lê Văn T6](#) dùng dao chặt nhãn, [Vũ Văn T8](#) dùng kìm cộng lực để phá cắt dây thép gai, ông [Vũ Văn T8](#) còn dùng cưa máy cắt tre, cây trong vườn. Ông [Lê Văn T6](#) còn có thái độ bắt nạt, hăm dọa con dâu tôi là [Hoàng Thị V1](#). Ngày 5/4/2022, ông [Đỗ Xuân H3](#), [Đỗ Xuân S](#), [Phạm Văn C4](#) dùng dao và kìm cắt phá dây thép gai và tre, bờ rào khoảng 2m. Ông [Phạm Đức C1](#) dùng dao chặt nhãn, sau đó nhổ 29 cây bạch đàn. Bà và con dâu [Hoàng Thị V1](#) có nhìn thấy vụ việc xảy ra 05 lần liên tiếp, chúng tôi đã chụp ảnh, quay video để cung cấp cho các cấp có thẩm quyền xem xét, điều tra, xác minh rõ để sớm giải quyết vụ việc cho vợ chồng bà, vợ chồng bà có báo cáo chính quyền thôn, xã. Các ông bà [Phạm Thị N3](#), [Phạm Thị N4](#), [Phạm Thị D](#), [Phạm Thị D3](#), [Phạm Văn C4](#), [Nguyễn Thị M1](#), [Đỗ Xuân H3](#), [Đỗ Xuân S](#), [Vũ Văn T8](#), [Đường Ngọc Q1](#) đã chửi rủa, xúc phạm nghiêm trọng đến cá nhân gia đình ông bà. Theo như vợ chồng bà được biết cán bộ của thôn và dân quân tự vệ chỉ được quyền bảo vệ dân và tài sản của dân chứ không được phá hoại tài sản của dân, bắt nạt người dân. Ông [Mông Quang V](#) dùng facebook phát trực tiếp để đưa lên mạng xã hội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của các thành viên trong gia đình bà. Sự việc xảy ra đã được các cơ quan có thẩm quyền đến giải quyết nhưng chưa dứt điểm.

Nay ông [Lê Mạnh H](#) có yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông [Lê Mạnh H](#). Ngoài ra, vợ chồng ông bà còn đề nghị bồi thường thiệt hại về việc hủy hoại cây cối trên đất gia đình ông bà đang sử dụng và 10 người đã chửi rủa, xúc phạm nghiêm trọng cá nhân gia đình ông bà. Đề nghị bồi thường danh dự, uy tín nhân phẩm cho cá nhân gia đình ông bà. Những người thực hiện hành vi phá bờ rào đều nằm trong diện tích đất ở trong giấy tặng cho gia đình ông bà đang sử dụng. Đề nghị các cấp có thẩm quyền di chuyển 09 ngôi mộ của 06 hộ gia đình

về đúng nơi quy hoạch của nhà nước (Nghĩa trang của nhân dân [huyện S](#) chỉ cách nhà ông bà khoảng 200m - 300m). Những ngôi mộ hiện đang chôn trong đất nhà ông bà cách nhà ông bà khoảng 20m đến 30m, làm ảnh hưởng đến môi trường sống, ô nhiễm nguồn nước gia đình ông bà đang sử dụng (nước giếng khoan). Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết, di chuyển mộ về đúng nơi quy hoạch của Nhà nước để trả lại đất trồng cây lâu năm cho gia đình ông bà.

- **Chị [Bùi Thị Lan A1](#) và anh [Bùi Đức K](#) trình bày:**

Về nguồn gốc đất: Đề nghị Tòa án mời người cho đất bố mẹ anh chị là ông [Bùi Đức N2](#) để xác minh chính xác nhất về nguồn gốc đất. Trong thời gian ở nhà cùng bố mẹ, anh chị thấy bố mẹ anh chị sử dụng đất ổn định và không có bất cứ tranh chấp với các hộ gia đình liền kề. Từ trước và sau khi mảnh đất được cấp sổ đỏ bố mẹ anh chị vẫn sử dụng ổn định, trên mảnh đất bố mẹ anh chị có trồng và chăm sóc một số loại cây như nhãn, tre và cây keo hạt. Anh chị xác định đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của gia đình.

Nay ông [Lê Mạnh H](#) khởi kiện anh chị không nhất trí với đơn khởi kiện của ông [Lê Mạnh H](#). Đề nghị Tòa án xác minh và thẩm định thực tế mảnh đất và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Mảnh đất được bố mẹ anh chị sử dụng ổn định từ trước đến nay, bố mẹ anh chị đã đi kê khai và đã được [UBND huyện S](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 01 năm 2014, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00775. Việc phạm vi sử dụng trên mảnh đất thuộc về gia đình anh chị là đúng. Ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bố mẹ anh chị còn có 01 giấy tặng cho quyền sử dụng đất, 01 giấy xác nhận của các hộ gia đình có đất liền kề. Vào cuối năm 2021 gia đình ông [C1](#) đã tự ý xâm phạm và phá hoại chặt phá keo, tre, nhãn được trồng trên mảnh đất của gia đình anh chị để xây lăng mộ với diện tích lớn. Gia đình anh chị phát hiện và có làm đơn lên [UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang](#) sau nhiều lần hòa giải không dứt điểm của UBND xã. Ông [Lê Mạnh H](#) là Trưởng thôn nhưng chưa làm hết quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu, còn lợi dụng chức vụ vận động dân quân tự vệ và một số người dân trong thôn kéo đến phá hoại bờ rào, đe dọa, đàn áp bố mẹ anh chị. Khi vụ việc chưa được giải quyết nhiều người dân trong thôn đã phát video trực tiếp trên mạng xã hội nói mảnh đất trên là đất nghĩa trang. Có nhiều bình luận xấu xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm bố mẹ anh chị và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, cuộc sống của gia đình anh chị. Mọi video và hình ảnh đã được gia đình ghi lại. Mộ được chôn trên mảnh đất có khoảng cách rất gần với nhà anh chị làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước ăn sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Người dân trong thôn chôn mộ người chết bừa bãi, không đúng quy định. Một vài hộ gia đình trong thôn đã lấn chiếm đất trồng cây lâu năm, bắt nạt gia đình anh chị và cố tình chôn người chết vào đất trồng cây lâu năm của gia đình anh chị. Đề nghị Tòa xem xét xác minh, thẩm định hiện trạng thực tế mảnh đất để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để một số người dân trong thôn chấm dứt việc chôn cất người chết bừa bãi ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, mọi tranh chấp trong thôn được chấm dứt. Đề nghị Tòa án xem xét và có những hình thức xử lý vi phạm với những cá nhân đã đe dọa, chửi rủa, xúc phạm danh dự nhân phẩm bố mẹ anh chị, những cá nhân phá hoại cây cối trên mảnh đất phải đền bù thiệt

hại với những mất mát về tài sản của gia đình, xem xét về các hành vi của trưởng thôn, dân quân tự vệ trong vụ việc diễn ra vào ngày 12/01/2022; di dời tất cả mộ đang chôn không đúng nơi quy định trên mảnh đất về Nghĩa trang huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Đỗ Xuân H3, ông Lê Minh Đ, bà Phạm Thị D, bà Vũ Thị N1, ông Phạm Đức C1, ông Mông Quang V, ông Đỗ Đức T2 cùng thống nhất trình bày:

Khu đất nghĩa địa của thôn bây giờ là do ông Đỗ Đức T2 khai phá năm 1966, sau đó để lại cho thôn làm nghĩa địa. Bố ông T2 là cụ Đỗ Đình H5 đã an táng năm 1986, sau đó thì các ngôi mộ được an táng lần lượt gồm cháu Bùi Đức Q2 (năm 1987), ông Phạm Văn N5 (năm 1980), chị Bùi Thị D4 (năm 1990), ông Bùi Đức R (năm 1990), ông Vũ Văn S1 (năm 1991), con Cô D (năm 1992), bà Phạm Thị D5 (năm 1996), cháu Đường Văn Đ1 (năm 2000), cháu Đường Văn C5 (năm 2000), cháu Đường V (năm 2000), ông Trần Văn V2 (năm 2002), con ông V (năm 2006), ông Phạm Đức Q3 (năm 2009), ông Đỗ Trọng O (năm 2011), ông Phạm Đức R1 (năm 2011), bà Phạm Thị H6 (năm 2014), bà Phạm Thị C6 (năm 2017), bà Đỗ Thị H7 (năm 2018), ông Đỗ Đức T2 (năm 2019).

Năm 2001 thôn đã xây dựng Quy ước của thôn. Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 đến năm 2020 đã được UBND huyện S phê duyệt thể hiện có nghĩa địa trên bản đồ. Gia đình anh Bùi Đức H1 trong quá trình sử dụng đất liền kề giáp với khu vực đất nghĩa địa của thôn đã tự ý trồng cây trên diện tích đất nghĩa địa. Cuối năm 2021 các ông bà cùng các hộ có phần mộ ra dọn dẹp chăm sóc hương khói mộ phần gia đình thì anh chị H1, T1 ra ngăn chặn không cho bà con có phần mộ vào chăm sóc hương khói mộ phần, với lý do các phần mộ nằm trên diện tích đất của gia đình đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/01/2014. Sau đó gia đình anh H1 chôn cột bê tông rào dây thép gai và dây thanh đồng đổ bê tông thành tường không cho các gia đình vào chăm sóc hương khói phần mộ và tiếp tục trồng bạch đàn và chèn gần sát các phần mộ đã nhiều lần cán bộ huyện, xã, thôn về giải quyết hòa giải nhưng gia đình anh Bùi Đức H1 không hợp tác. Các ông, bà thấy việc cấp giấy CNQSDĐ của UBND huyện S đã cấp nghĩa địa của bà con nhân dân thôn Đ cho hộ anh Bùi Đức H1 và Nghiêm Thị T1 là không đúng. Hiện nay các rễ cây đã sắp ăn sát vào các phần mộ của các gia đình các ông, bà, làm ảnh hưởng đến việc tâm linh, các ông bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét, giải quyết tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BR 275778 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 00775 do UBND huyện S đã cấp ngày 27/01/2014 cho gia đình anh Bùi Đức H1, chị Nghiêm Thị Tuyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Mạnh H đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BR 275778, cấp ngày 27/01/2014 cho ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thi Tuyết](#). Kết quả đo đạc thể hiện tại Mảnh trích đo hiện trạng ngày 17/4/2023 do [Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh T](#) thực hiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông [Lê Mạnh H](#) về việc: Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thi Tuyết](#).

Buộc [Ủy ban nhân dân huyện S](#), tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông [Bùi Đức H1](#), bà [Nghiêm Thi T1](#) kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà [T1](#) và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà [T1](#) trình bày: Gia đình bà [T1](#) được ông [N2](#) cho đất từ năm 1992 sử dụng ổn định đến nay, đăng ký kê khai và được [UBND xã T](#) xác nhận sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Tại biên bản đối thoại tại Tòa án, đại diện [UBND huyện S](#) xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) thể hiện không đầy đủ, sẽ tiếp tục cung cấp nên không có căn cứ xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hay sai và Tòa án sơ thẩm cũng không thể có căn cứ xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông [H1](#), bà [T1](#) không đúng pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [H1](#), bà [T1](#) đúng trình tự, thủ tục quy định, được thực hiện công khai và nộp thuế đầy đủ. Quy ước thôn không có giá trị pháp lý xác định diện tích đất của gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) chồng lấn lên đất nghĩa địa của thôn. Quyết định số 916/QĐ-UBND của [UBND huyện S](#) không hoàn toàn định hướng nghĩa trang [thôn Đ](#), không liên quan đến diện tích đất tranh chấp nên bản đồ quy hoạch được UBND huyện phê duyệt không có giá trị pháp lý. Khi xây dựng quy ước thôn cũng không hỏi ý kiến gia đình ông [T9](#), bà [T1](#) về việc cho đất làm nghĩa địa thôn, việc quy hoạch nghĩa địa thôn gần khu dân cư là không phù hợp với xây dựng nếp sống mới. Thực tế phần lớn các ngôi mộ là của họ hàng và đã chuyển về khu mộ gia đình, chỉ còn một số ngôi mộ chưa chuyển nên không phải là nghĩa địa thôn. Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của những người sống lâu năm tại địa phương về nguồn gốc đất mà chỉ tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông [H](#), ông [Đ](#) là những người đang tranh chấp là không khách quan và chưa xác minh diện tích đất tranh chấp có nằm trong quy hoạch nghĩa trang không để làm rõ nguồn gốc và ranh giới đất tranh chấp. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Ông [Lê Mạnh H](#) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía người khởi kiện cho rằng trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho gia đình ông [H](#), bà [T1](#) không đúng pháp luật, không công khai và không có chữ ký của chủ sử dụng đất liền kề. Khi xây dựng quy ước và bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới đều được công khai đến toàn thể nhân dân tại địa phương và thực hiện đúng quy trình, được [UBND huyện S](#) phê duyệt. Diện tích đất nghĩa địa thôn có nguồn gốc do gia đình ông [T2](#) hiến tặng và đã được tách riêng rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông [H1](#), bà [T1](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kết luận: Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ và [M2](#) trích đo địa chính đã lồng ghép thể hiện ranh giới thửa đất số 27 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) có một phần nằm trong diện tích đất quy hoạch nghĩa trang [thôn D](#) theo bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Trên diện tích đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) có một số ngôi mộ của các hộ gia đình trong thôn. Thời điểm gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tài liệu thể hiện ông [H1](#), bà [T1](#) có khiếu nại về việc trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mộ của các gia đình khác. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có biên bản công khai danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất có xác nhận của các hộ sử dụng đất liền kề nên có cơ sở xác định [UBND huyện S](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [H](#), hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông [H1](#), bà [T1](#), buộc [UBND huyện S](#) thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông [H1](#), bà [T1](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 17/12/2021, ông [H](#) mới biết hộ ông [H1](#), bà [T1](#) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 27, tờ bản đồ số 109,

diện tích 3.743,8m² đất. Ngày 09/8/2022 ông [H](#) nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 26/5/2023, ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.5] Về xác định tư cách người khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và ngày 11/10/2022, ông [Lê Mạnh H](#) đứng đơn với tư cách cá nhân khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị Tuyết](#). Tại Biên bản làm việc ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xác định tư cách người khởi kiện, ông [H](#) xác định ông là Trưởng thôn đứng ra đại diện cho các hộ ở thôn như đơn khởi kiện ban đầu (09/8/2022). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông [H](#) cũng xác định khởi kiện với tư cách cá nhân, là Trưởng thôn. Trong vụ án này, người khởi kiện là cá nhân ông [Lê Mạnh H](#) - là thành viên của thôn và Trưởng thôn có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của [thôn Đ](#) theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện người khởi kiện là cá nhân ông [H](#), chỉ có biên bản nghị án và bản án sơ thẩm xác định người khởi kiện là Trưởng thôn. Hồ sơ vụ án không có văn bản ủy quyền của các hộ gia đình trong [thôn Đ](#) cho ông [H](#) đại diện các hộ dân [thôn Đ](#) khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện là Trưởng thôn Đông Thịnh là không chính xác. Tuy nhiên, sai sót này không làm thay đổi bản chất sự việc nên không cần thiết phải hủy bản án do xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xác định tư cách đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[1.6] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông [H1](#), bà [T1](#) và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ và không có kháng cáo, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778 cấp ngày 27/01/2014:

* *Về thẩm quyền:* Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

* *Về trình tự, thủ tục:* Ngày 24/5/2013, ông [Bùi Đức H1](#) có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, phần nguồn gốc đất thể hiện “sử dụng ổn định năm 1992”. Ngày 02/6/2013, đo đạc thửa đất số 27, tờ bản đồ 109. Ngày 17/11/2013, UBND xã T xác nhận nội dung kê khai về đất, tài sản so với hiện trạng là đúng, nguồn gốc sử dụng đất ổn định từ năm 1992, đất không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Ngày 09/01/2014, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3 thẩm định đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, diện tích 3743,8m² đất trồng cây lâu năm. Đến ngày 16/01/2014, hồ sơ trên đã được Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3 xác nhận.

Ngày 27/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778, sổ vào sổ CH00775 mang tên hộ gia đình ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109, địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, diện tích 3743,8m² đất trồng cây lâu năm và trao cho hộ ông H1 bà T1.

* *Về căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Ông [Lê Mạnh H](#) cho rằng nguồn gốc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109 tranh chấp là của gia đình ông [Đỗ Đức T2](#) khai hoang, sử dụng từ năm 1966. Năm 1986, bố ông [Đỗ Đức T2](#) chết được an táng tại khu vực đất này, sau đó gia đình ông [T2](#) và nhân dân trong thôn đã thống nhất lấy diện tích đất là 6.205m² do ông [T2](#) khai phá làm nghĩa địa chung của thôn Đ. Vị trí đất này đã được đưa vào khoản 2 Điều 4 Quy ước chung của thôn năm 2001. Bản Quy ước đã được UBND huyện S phê duyệt tại Quyết định số 2662/QĐ-UB ngày 30/10/2001. Gia đình ông [Bùi Đức H1](#), bà [Nghiêm Thị T1](#) sử dụng đất liền kề với khu nghĩa địa đã tự ý trồng cây trên diện tích đất nghĩa địa của thôn, cuối năm 2021 gia đình ông [H1](#), bà [T1](#) làm bờ rào chặn đường vào khu nghĩa địa, gây khó khăn cho các gia đình đến chăm sóc mộ. Trong khi đó, ông [H1](#) và bà [T1](#) cho rằng thửa đất trên có nguồn gốc là của ông [Bùi Đức N2](#) (chú của ông [H1](#)) cho vợ chồng ông bà để làm nhà ở, có giấy cho tặng ngày 08/9/1992 diện tích 5.400m² thuộc thửa số 68, tờ bản đồ

78 có tứ cận cụ thể: Phía Đông giáp đường là 60m, phía Nam giáp cô D dài 90m, phía Tây là màu đồi, phía Bắc giáp ông Đ2 dài 90m. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông H1, bà T1 khai phá thêm và đổi cho bà Phạm Thị D khoảng 20 m², sử dụng ổn định không có tranh chấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014.

Căn cứ Biên bản xác minh nguồn gốc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 109 đối với bà Vũ Thị S2 - cán bộ địa chính xã T, Báo cáo số 10/BC -UBND ngày 21/01/2022 của UBND xã T, ý kiến của đại diện UBND huyện S, lời khai của các bên đương sự, lời khai của ông Đỗ Đức T2, ông Bùi Đức N2 thể hiện: Tại tờ bản đồ giải thửa 299 đo đạc năm 1994 thể hiện thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77, diện tích 2.845m² loại đất màu đồi chưa có hộ gia đình nào kê khai đăng ký sử dụng. Tại sổ mục kê (không ghi ngày tháng năm) thể hiện thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77, diện tích 2.845m² ghi chủ sử dụng đất mang tên Bùi Đức H1 (ghi mục màu đỏ). Theo sổ mục kê, sổ địa chính (vào sổ năm 2018) và bản đồ đo đạc địa chính năm 2012 thể hiện thửa đất trên nay là thửa số 27, tờ bản đồ số 109, tên người sử dụng đất hộ ông Bùi Đức H1, diện tích sử dụng 3.743,8m², loại đất trồng cây lâu năm.

Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2023 tại UBND xã T thể hiện: qua kiểm tra thực địa và ý kiến các hộ dân xác định thửa đất gia đình bà T1 được tặng cho là thửa đất phía ngoài giáp đường ĐT 186 hiện gia đình bà T1 đang sử dụng làm nhà ở và đất vườn, còn thửa đất phía trong là đất của cụ T2 khai phá sử dụng từ năm 1966 đến năm 1986 cho nhân dân thôn Đ sử dụng làm nghĩa trang của thôn. Thực tế quản lý đất đai ở địa phương mỗi thôn đều có một khu nghĩa trang riêng và thôn Đ cũng có khu nghĩa trang đang tranh chấp, UBND xã chưa được đo đạc cụ thể nên không biết chính xác diện tích cụ thể. Những người làm chứng là ông Vũ Văn B1 (nguyên Trưởng ban kiểm soát Hợp tác xã Đông Thịnh từ năm 1966 - 1975 và nguyên Phó chủ nhiệm HTX Đ5 từ năm 1976 - 1982), ông Vũ Cao T10 (nguyên Kế toán HTX Đ5 từ năm 1987-1994; nguyên Phó chủ nhiệm HTX Đ5 từ năm 1995-2005 và nguyên Trưởng thôn Đông Thịnh từ năm 1999-2002), ông Bùi Đức C3, ông Lê Minh Đ, bà Đỗ Thị C7 đều xác định diện tích đất ông H1, bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nghĩa địa của thôn Đ, gia đình ông H1 và bà T1 chỉ có phần đất phía ngoài giáp đường, còn toàn bộ phía sau là đất nghĩa địa của thôn Đ. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều xác định các ngôi mộ được chôn cất trên đất từ những năm 1980 đến 2021 có khoảng 20 ngôi mộ (hiện có 10 ngôi mộ và 01 cây hương trên đất, ngôi mộ sớm nhất được an táng năm 1986 và ngôi mộ an táng gần nhất năm 2019), gia đình ông H1 và bà T1 không có ý kiến gì và không xảy ra tranh chấp mà phải đến cuối năm 2021 mới xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và bà N1 - là những người không có quan hệ họ hàng với gia đình ông H1, bà T1 cũng xác nhận gia đình ông Đ, bà N1 có mộ chôn trên đất hộ ông H1, bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T1 cũng thừa nhận gia đình bà không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ và có một số ngôi mộ của gia đình khác trên đất gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2023 và [M2](#) trích đo hiện trạng thửa đất (đã được lồng ghép Bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T](#) giai đoạn 2011-2015) do [Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh T](#) thực hiện ngày 13/3/2023 (BL 300) thể hiện: Ranh giới thửa đất số 27, tờ bản đồ 109 hiện nay đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị T1](#) có 01 phần diện tích nằm trong thửa số 238, tờ bản đồ số 77, diện tích 2845m² (bản đồ giải thửa năm 1994); 01 phần nằm trong phần diện tích đất quy hoạch nghĩa trang [thôn Đ](#) (theo Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T](#) giai đoạn 2011-2015). Toàn bộ các ngôi mộ trên đất đều nằm trong diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778 cấp cho hộ ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nghiêm Thị Tuyết](#). Bản đồ quy hoạch sử dụng đất năm 2010 [xã T](#) và Bản vẽ hiện trạng tổng hợp Quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T huyện S](#) giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020 đều thể hiện khu vực nghĩa trang của [thôn Đ, xã T, huyện S](#). Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã đề nghị [Trung tâm K](#) lồng ghép bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới [xã T](#) (bản số hóa bản vẽ hiện trạng) lên hiện trạng sử dụng và ranh giới cấp GCNQSD đất, kết quả thể hiện ranh giới sử dụng đất và ranh giới cấp GCNQSD đất của hộ ông [H1](#) bà [T1](#) có một phần chồng lên ranh giới đất đã quy hoạch [nghĩa trang Đ4](#).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà [T1](#) thừa nhận phần lớn các ngôi mộ này đã có trước khi gia đình bà [T1](#) về ở trên diện tích đất ông [N2](#) tặng cho và khai phá thêm. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [H1](#), bà [T1](#) khi trên đất có các ngôi mộ của các hộ gia đình khác là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích chính đáng của các gia đình có các ngôi mộ nằm trên đất. Hơn nữa, hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ ông [H1](#) bà [T1](#) thể hiện Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất không chữ ký của các hộ giáp ranh liền kề theo quy định tại điểm b, mục 3.6 Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của [Bộ T11](#); không có tài liệu công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở [Ủy ban nhân dân xã T](#) thời gian 15 ngày theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003 và theo khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Biên bản tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 08/9/1992 của ông [Bùi Đức N2](#) tặng cho ông [Bùi Đức H1](#), bà [Nghiêm Thị T1](#) ghi thửa số 68, tờ bản đồ số 78 và không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong khi hồ sơ địa chính tại [UBND xã T](#) thể hiện diện tích đất tranh chấp là thửa số 238 tờ bản đồ số 77, Bản đồ địa chính năm 1994 diện tích 2.845m² chưa có ai kê khai đăng ký sử dụng.

Như vậy, thời điểm đó ông [Bùi Đức N2](#) cũng chưa đăng ký quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa có đầy đủ quyền của người sử dụng đất, do vậy biên bản tặng cho này không có giá trị pháp lý.

Như vậy, [UBND huyện S](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông [H1](#) bà [T1](#) đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 109 bản đồ địa chính 2012 trong khi bà [T1](#), ông [H1](#) không có tài liệu giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003, trên đất có các ngôi mộ của các gia đình khác an táng từ trước, không thực hiện thủ tục ký giáp ranh và niêm yết công khai theo quy định dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá các tài liệu, chứng cứ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 275778 cấp ngày 27/01/2014 mang tên hộ ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#) là có căn cứ. Do đó, kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bà [T1](#), ông [H1](#) là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#) phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#); giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Ông [Bùi Đức H1](#) và bà [Nguyễn Thị T1](#), mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông [H1](#), bà [T1](#) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006457 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006458 đều ghi ngày 02/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Phương Hạnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh